

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/RANGDONG/2022

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 87 - 89, Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024-38584310

Fax: 024-38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101526991

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ÁM ĐIỆN SIÊU TỐC RD-AST17ST2.E

2. Thành phần: Thân, đáy: inox. Nắp: nhựa PP. Gioăng: Silicon

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 01 sản phẩm được cho vào trong 01 túi nilon, sau đó đóng gói trong 01 hộp trong. 06 hộp trong cho vào 01 thùng carton (hộp ngoài).

Vật liệu bao bì: carton sóng E bồi duplex 250 g/cm² (hộp trong); carton 3 lớp sóng A (hộp ngoài).

4. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty TNHH Điện tử Việt Nhật

Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1 : 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-2 : 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-3 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Trung Tường

Số/No: 22/TN4/0429/01

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ Name of sample: **Chi tiết bằng nhựa PP của ấm điện siêu tốc**
 2. Khách hàng/ Customer: **Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông**
 3. Số lượng mẫu/ Quantity: **01 túi**
 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **22/03/2022**
 5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: **Mẫu trong túi nilon buộc miệng**
 6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: **Từ ngày/ From: 22/03/2022 đến ngày/ To: 14/04/2022**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits ^(***)	Kết quả Results
1.	Hàm lượng Cd ^(*)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD =1,0) ^(**)
2.	Hàm lượng Pb ^(*)	µg/g	"	< 100	KPH (LOD =1,0)
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm : ^(*) 1. 95°C, 30 phút, trong nước, 2. 25°C, 60 phút, trong n-heptan, 3. 95°C, 30 phút, trong axit acetic 4% 4. 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	µg/ml µg/ml µg/ml µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT " " "	≤ 30 ≤ 240 ≤ 30	KPH (LOD =5,0) KPH (LOD =5,0) < 15,0 (LOQ =15,0)
4.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 30 ≤ 1,0	KPH (LOD =5,0) < 1,0
5.	Lượng KMnO ₄ sử dụng, ^(*) (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)

(*) : Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS; (**) : KPH: không phát hiện

(***) : Mức quy định: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
 Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2022

GIÁM ĐỐC
 Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

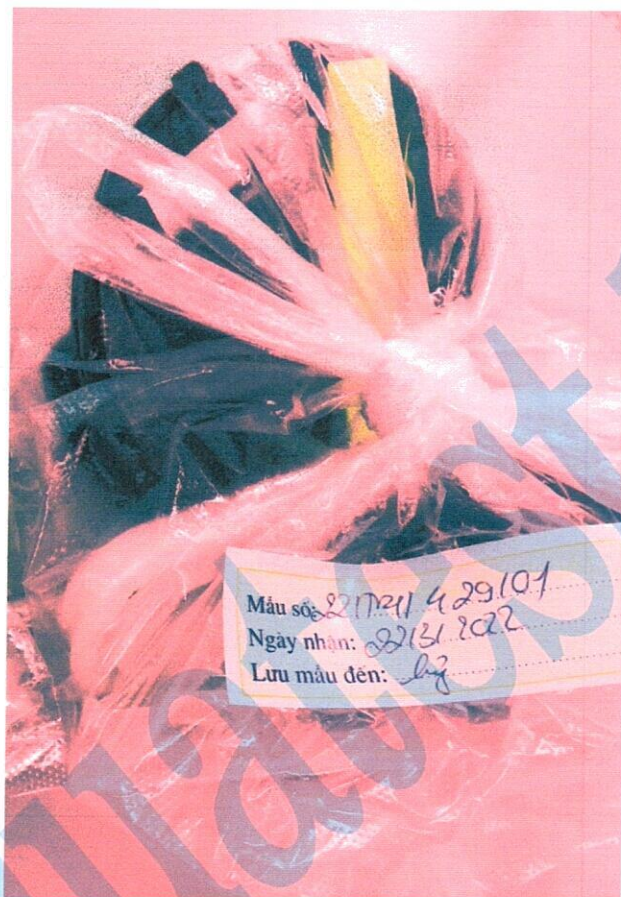
1. **Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.**
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. **Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.**
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. **Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.**
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:..22/TN4/0429/01.....

Trang/Page:..2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



Số/No: 22/TN4 /0429/02

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ *Name of sample*: Chi tiết bằng kim loại của ấm điện siêu tốc
- Khách hàng/ *Customer*: Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông
- Số lượng mẫu/ *Quantity*: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving*: 22/03/2022
- Tình trạng mẫu/ *Status of sample*: Mẫu trong túi nilon buộc miệng
- Thời gian thử nghiệm/ *Test duration*: Từ ngày/ *From*: 22/03/2022 đến ngày/ *To*: 14/04/2022

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits (***)	Kết quả Results
1.	Kim loại thôi nhiễm (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30phút trong nước)			QCVN 12-3: 2011/BYT	
	Hàm lượng Pb (*)	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT	≤ 0,4	KPH (LOD = 0,01)**
	Hàm lượng Cd (*)	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT	≤ 0,1	KPH (LOD = 0,01)
	Hàm lượng As	µg/ml	TN4/HD/N2-26	≤ 0,2	KPH (LOD = 0,01)

(*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS; (**): KPH: không phát hiện

(***)Mức quy định: QCVN 12-3:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2022

GIÁM ĐỐC
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:..22/TN4/0429/02.....

Trang/Page:..2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



Số/No: 22/ TN4/ 479/03

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Gioăng Silicon**
 2. Khách hàng/Customer: **Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông**
Số 87-89, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
 3. Số lượng mẫu/Quantity: **01 túi**
 4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **28/3/2022**
 5. Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu đựng trong túi nilong**
 6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 28/ 03/ 2022 đến ngày/To: 19/ 4/2022**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Hàm lượng kim loại: (*) Hàm lượng Pb Hàm lượng Cd	µg/g µg/g	QCVN 12-2:2011/BYT QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1,0) Không phát hiện (LOD=1,0)
2.	Định tính Formaldehyd (Điều kiện thử nghiệm: 40°C, 24 giờ trong nước)		-nt -	Âm tính
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*) 1. 40°C, 24 giờ, trong nước 2. 60°C, 30 phút, trong axit acetic 4% 3. 60°C, 30 phút, trong Etanol 20%,	µg/ml µg/ml µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT nt	Không phát hiện (LOD = 5,0) < 15,0 (LOQ = 15,0)
4.	Hàm lượng Phenol (Điều kiện thử nghiệm: 40°C, 24 giờ, trong nước)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 5,0) Không phát hiện (LOD = 0,5)
5.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb(*) (Điều kiện thử nghiệm: 40°C, 24 giờ, trong acid acetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	< 1,0
6.	Hàm lượng Zn thôi nhiễm (*) (Điều kiện thử nghiệm: 40°C, 24 giờ trong nước)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0,01)
7.	Định tính 2-mercaptoimidazolin,	/1g	QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận Villas, LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**

Nguyễn Trần Quân

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 22/ TN4/ 479/03

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

